

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 83/ /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 04 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư
dự án hoàn thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy
định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.
Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy
định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1602/TTr-STC ngày
29 tháng 03 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Thay thế hệ thống thang máy của Trụ Sở khối nhà nước tỉnh.
- Chủ đầu tư: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Địa điểm xây dựng: trụ sở hiện hữu tại phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Ngày khởi công: 09/12/2019; Ngày hoàn thành: 26/10/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		6.285.093.062	5.921.887.168
1	Xây dựng + thiết bị	5.778.744.284	5.732.600.000
2	Quản lý dự án	49.452.170	49.452.000
3	Tư vấn	112.826.672	111.181.000
4	Chi phí khác	44.779.790	28.654.168
5	Dự phòng	299.290.146	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

S ố T T	Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6 = 4 - 5	7 = 5 - 4
	Tổng số	6.285.093.062	5.921.887.168	5.902.408.168	19.479.000	0
1	- Vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	6.285.093.062	5.921.887.168	5.902.408.168	19.479.000	0
2	- Vốn khác	0		0	0	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số	5.921.887.168	5.921.887.168	0	0
1. Tài sản cố định	5.921.887.168	5.921.887.168	0	0
2. Tài sản lưu động	0	0	0	0

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số	5.921.887.168	
- Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp)	5.921.887.168	
- Vốn khác	0	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày khóa sổ lập Báo cáo quyết toán là:

+ Tổng nợ phải thu: 2.800.000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 22.279.000 đồng.

(Chi tiết công nợ kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành số 1602/BC-STC ngày 29 tháng 03 năm 2022).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3
Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	5.921.887.168	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan: Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh quyết toán các khoản công nợ theo quy định hiện hành.

4. Các nghiệp vụ hạch toán khác.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức



UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 1602 /TTr-STC

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Sở Tài Chính;

Căn cứ Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

Căn cứ Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư đầu tư dự án hoàn thành số: 1601./BC-STC ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Sở Tài chính.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: **Thay thế hệ thống thang máy của Trụ Sở khối nhà nước tỉnh.**

- Địa điểm xây dựng: trụ sở hiện hữu tại phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Chủ đầu tư: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp).

- Ngày khởi công: 09/12/2019; Ngày hoàn thành: 26/10/2020.

- Giá trị khối lượng thực hiện:

+ Tổng mức đầu tư được duyệt: 6.285.093.062 đồng.

+ Dự toán công trình được duyệt: 6.285.093.062 đồng.

+ Giá trúng thầu, dự toán được duyệt: 5.950.646.972 đồng.

+ Giá trị quyết toán Chủ đầu tư đề nghị: 5.938.011.972 đồng.

+ Giá trị quyết toán Sở Tài chính thẩm tra: 5.921.887.168 đồng.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Kim Thắm

BÁO CÁO

Về thẩm tra quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Tên dự án: **Thay thế hệ thống thang máy của Trụ sở khối nhà nước tỉnh.**
- Địa điểm xây dựng: trụ sở hiện hữu tại phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ đầu tư: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.
- Nguồn vốn: Vốn ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp).
- Đơn vị thi công: Công ty TNHH Cơ điện lạnh Đại Thắng.
- Ngày khởi công: 09/12/2019; Ngày hoàn thành: 26/10/2020.

I. MÔ TẢ KHÁI QUÁT:

1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành cho hệ thống thang máy của công trình.

2. Quy mô đầu tư và các giải pháp:

a) Tháo dỡ toàn bộ hệ thống thang máy hiện hữu (02 cụm thang; mỗi cụm 02 thang).

b) Thay mới lại 04 thang máy tại các vị trí cũ. Thông số kỹ thuật chính mỗi thang như sau:

- Số điểm dừng: 09 điểm. Tải trọng: ≥ 630 kg. Tốc độ: ≥ 90 (m/min)
- Kích thước hố thang: 2.100 x 1.900(mm)
- Kích thước cabin: 4.500mm
- Chiều sâu đáy hồ: 1.600mm
- Kích thước cửa thang: 800 x 2.100 (mm)

c) Thay mới toàn bộ đá ốp mặt tiền cửa thang máy.

Tổng mức đầu tư: 6.285.093.062 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 78.744.284 đồng
- Chi phí thiết bị: 5.700.000.000 đồng
- Chi phí QLDA: 49.452.170 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD + CP khác: 157.606.462 đồng
- Chi phí dự phòng: 299.290.146 đồng

II. CĂN CỨ THẨM TRA:

1. Hồ sơ pháp lý:

- Văn bản số 5084/UBND-KT ngày 08/05/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương thay hệ thống thang máy của Trụ sở khối nhà nước tỉnh.

- Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 26/07/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Thay thế hệ thống thang máy của Trụ sở khối nhà nước tỉnh.

- Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 93A/QĐ-VP ngày 27/05/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án.

- Quyết định số 97/QĐ-VP ngày 30/05/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

- Quyết định số 98/QĐ-VP ngày 31/05/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu gói thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Quyết định số 99/QĐ-VP ngày 31/05/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu gói thầu tư vấn quản lý dự án.

- Quyết định số 156/QĐ-VP ngày 01/07/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu gói thầu tư vấn thẩm định giá thiết bị.

- Quyết định số 207/QĐ-VP ngày 18/10/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu gói thầu số 02 (tư vấn) lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 01.

- Quyết định số 208/QĐ-VP ngày 18/10/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu gói thầu số 03 (tư vấn) thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả LCNT gói thầu số 01.

- Quyết định số 211/QĐ-VP ngày 18/10/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị)

- Quyết định số 218/QĐ-VP ngày 21/11/2019 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01 (xây dựng và thiết bị).

- Hợp đồng kinh tế số 34/HĐKT/2019 ngày 09/12/2019 giữa Văn phòng UBND tỉnh và Công ty TNHH Cơ điện lạnh Đại Thắng. Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 16/06/2021. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng ngày và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 26/10/2020.

- Quyết định số 76/QĐ-VP ngày 29/04/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu gói thầu số 04 (tư vấn) giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị gói thầu số 01.

- Thông báo số 5923/TB-SXD ngày 05/11/2020 của Sở Xây dựng Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành lập ngày 22/02/2022 theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021

- Các chứng từ, hồ sơ các chi phí tư vấn, chi phí khác có liên quan.

2. Chế độ xây dựng cơ bản:

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình.

- Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình.

- Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

- Thông tư 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

III. KẾT QUẢ THẨM TRA: *(bảng tổng hợp kết quả thẩm tra đính kèm)*

1. Tính pháp lý của quá trình đầu tư xây dựng:

- Danh mục và nội dung các văn bản pháp lý liên quan đến quá trình đầu tư dự án, việc lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng phù hợp với quy định hiện hành.

- Trình tự, thủ tục XD CB trong quá trình đầu tư, chủ đầu tư lập, thẩm định và trình duyệt theo đúng phân cấp.

- Việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế đã thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng số vốn được quyết toán: 5.921.887.168 đồng.

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh (nguồn sự nghiệp): 5.921.887.168 đồng.

3. Chi phí đầu tư của dự án:

- Tổng mức đầu tư được duyệt: 6.285.093.062 đồng.

- Dự toán công trình được duyệt: 6.285.093.062 đồng.

- Giá trúng thầu, dự toán được duyệt: 5.950.646.972 đồng.

- Giá trị quyết toán Chủ đầu tư đề nghị: 5.938.011.972 đồng.

- Giá trị quyết toán Sở Tài chính thẩm tra: 5.921.887.168 đồng.

Nguyên nhân tăng giảm:

a) *So sánh giá trị thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính với dự toán được duyệt:* giảm 363.205.894 đồng.

- Chi phí xây dựng và thiết bị giảm 46.144.284 đồng do giảm giá gói thầu và thanh toán theo thực tế thực hiện.

- Chi phí tư vấn và chi phí khác giảm 17.771.464 đồng, trong đó: chi phí lập BC KTKT giảm theo dự toán chuẩn bị đầu tư và chủ đầu tư đề nghị; chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán giảm do tính lại theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và giảm các chi phí khác do làm tròn số.

- Chi phí dự phòng giảm 299.290.146 đồng do không thực hiện.

b) So sánh giá trị thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính với giá trị trúng thầu và dự toán duyệt: giảm 28.759.804 đồng.

- Chi phí xây dựng giảm 6.400.000 đồng do thanh toán theo thực tế thực hiện.

- Chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác giảm 22.359.804 đồng, trong đó: chi phí tư vấn quản lý dự án và chi phí thẩm định giá giảm theo Quyết định duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán do tính lại theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

c) So sánh giá trị thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính với giá trị Chủ đầu tư đề nghị quyết toán: giảm 16.124.804 đồng.

- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán giảm 16.124.804 đồng do tính lại theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng

5. Giá trị tài sản bàn giao:

- Chi phí đầu tư hình thành tài sản lưu động: không có.

- Chi phí đầu tư đầu hình thành tài sản cố định: **5.921.887.168 đồng**

- Đơn vị tiếp nhận tài sản: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tình hình thanh toán và công nợ:

- Cấp phát vốn đầu tư: Số vốn đã cấp từ khởi công đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (theo Bảng đối chiếu số liệu cấp vốn của Kho bạc nhà nước tỉnh 31/12/2021): **5.902.408.168 đồng**.

- Số vốn chủ đầu tư còn phải thanh toán sau khi dự án được phê duyệt quyết toán là: $5.921.887.168 - 5.902.408.168 = 19.479.000$ đồng.

+ Chi tiết các khoản công nợ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Nợ phải thu	Nợ phải trả
1	2	3	4	5
1	Công ty CP thẩm định giá và tư vấn đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới	Tư vấn thẩm định giá thiết bị	2.800.000	0

TT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Nợ phải thu	Nợ phải trả
1	2	3	4	5
2	Sở Tài chính Đồng Nai	Chi phí thẩm tra quyết toán	0	22.279.000
Tổng cộng			2.800.000	22.279.000

- Kể từ ngày có Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư, chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư.

- Vật tư thiết bị tồn đọng: không có.

IV. NHẬN XÉT:

1. Về hồ sơ XDCB:

- Chủ đầu tư chấp hành theo các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng và đấu thầu.

- Việc bố trí và thanh toán vốn đầu tư kịp thời, phù hợp với tiến độ thi công.

- Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính.

- Chủ đầu tư chậm lập hồ sơ quyết toán 12 tháng so với quy định tại Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ (thời gian nộp đầy đủ hồ sơ là ngày 04/03/2022).

2. Kiến nghị:

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt quyết toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư dự án hoàn thành đưa vào sử dụng: **Thay thế hệ thống thang máy của Trụ Sở khối nhà nước tỉnh** với giá trị là **5.921.887.168 đồng**.

(Bằng chữ: Năm tỷ, chín trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi tám đồng)

Nơi nhận:

- KBNN;
- Chủ đầu tư;
- Lưu: VT, ĐT (5).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đặng Thị Kim Thắm

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH

Công trình: Thay thế hệ thống thang máy của Trụ sở khối nhà nước tỉnh.
(Kèm theo Báo cáo thẩm tra quyết toán số: 16.0.1.../BC-STC ngày 29 /...3.../2022)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Dự toán công trình được duyệt	Giá trúng thầu, DT được duyệt	Giá trị QT Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị QT Sở Tài chính thẩm tra	Chênh lệch			Ghi chú
						QT/Dự toán được duyệt	QT/Giá trúng thầu	QT/Chủ đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7 = 6 - 3	8 = 6 - 4	9 = 6 - 5	10
I	Chi phí xây lắp + thiết bị	5.778.744.284	5.739.000.000	5.732.600.000	5.732.600.000	-46.144.284	-6.400.000	0	
	Gói thầu số 1	5.778.744.284	5.739.000.000	5.732.600.000	5.732.600.000	-46.144.284	-6.400.000	0	
II	Chi phí quản lý dự án, tư vấn và CP khác	207.058.632	211.646.972	205.411.972	189.287.168	-17.771.464	-22.359.804	-16.124.804	
1	Chi phí quản lý dự án	49.452.170	52.887.000	49.452.000	49.452.000	-170	-3.435.000	0	
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	112.826.672	113.981.000	111.181.000	111.181.000	-1.645.672	-2.800.000	0	
	- Chi phí Lập BC KTKT	18.412.922	16.768.000	16.768.000	16.768.000	-1.644.922	0	0	
	- Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT thiết bị	20.919.000	20.919.000	20.919.000	20.919.000	0	0	0	
	- Chi phí thẩm định giá thiết bị	22.800.000	25.600.000	22.800.000	22.800.000	0	-2.800.000	0	
	- Chi phí giám sát thi công xây dựng + thiết bị	50.694.750	50.694.000	50.694.000	50.694.000	-750	0	0	
3	Chi phí khác	44.779.790	44.778.972	44.778.972	28.654.168	-16.125.622	-16.124.804	-16.124.804	
	- Lệ phí Thẩm định BCKTKT	1.194.168	1.194.168	1.194.168	1.194.168	0	0	0	
	- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và KQ LCNT thiết bị	5.181.818	5.181.000	5.181.000	5.181.000	-818	0	0	
	- Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	38.403.804	38.403.804	38.403.804	22.279.000	-16.124.804	-16.124.804	-16.124.804	Theo ND 99/2021/ND-CP: =((GT CĐT*0,536%)*70%)
III	Chi phí dự phòng	299.290.146	0	0	0	-299.290.146	0	0	
	TỔNG CỘNG	6.285.093.062	5.950.646.972	5.938.011.972	5.921.887.168	-363.205.894	-28.759.804	-16.124.804	

CÁN BỘ THẨM TRA



Nguyễn Ngọc Vy

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐẦU TƯ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thiện Tri

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đảng Thị Kim Thắm